

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360158	Trần Trường	An	21/05/2007	01MK15C1	6,0	6,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
2	1223360150	Mạc Duy	An	07/08/2007	01TM15C1	5,0	7,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
3	2223360139	Lâm Tâm	An	14/11/2007	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
4	2223360314	Hồ Hoài	An	17/11/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
5	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/09/1995	02KT15E1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
6	1223360240	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/2007	01PM15C1	6,0	6,5	6,3		6,5		6,4	Đạt
7	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	01PM15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
8	1223360231	Dương Tuấn	Anh	21/02/2007	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
9	1223360081	Hoàng Kỳ	Anh	19/08/2007	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt
10	1223360223	Nguyễn Hoài Phương	Anh	18/02/2007	01DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,5		5,7	Đạt
11	1223360149	Phạm Lan	Anh	14/05/2007	01DS15C1	9,5	8,5	8,8		9,5		9,2	Đạt
12	2223240082	Trần Tuấn	Anh	01/04/2001	02DS15B2	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
13	2223240140	Trần Thị Vân	Anh	08/04/2001	02YS15B1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
14	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02DD15C1	8,0	10,0	9,3		7,0		7,9	Đạt
16	2223240041	Lê Việt	Anh	16/05/1995	02DS15B2	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
17	2223240068	Vưu Kim	Anh	28/02/1999	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
18	2223360127	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21/12/2007	02DS15C1	6,0	8,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
19	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
20	2223360284	Hà Bảo	Anh	03/09/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
21	2223360315	Đình Duy	Anh	25/06/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
22	3223240024	Ngô Tú	Anh	23/11/1996	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
23	2223360526	Nguyễn Đức	Anh	29/06/1996	02MK15D1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
24	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/3/1993	02DS15B1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
25	2223240251	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	21/04/2002	02DS15B2	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt
26	2223360443	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/09/2007	02KT15C1	9	6,5	7,3		6,5		6,8	Đạt
27	2223240193	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/04/1999	02KT15E2	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
28	3223240037	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/10/1997	02KT15E1	10	9	9,3		8,0		8,5	Đạt
29	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02KT15E2	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
30	3223180001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/04/1998	02KT15E1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
31	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	31/07/2001	02DS15A2	9,0	7,0	7,7		9,0		8,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
32	2223360270	Đặng Hồng	Ánh	30/11/2007	02DH15C2	8,0	5,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
33	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	10	6	7,3		9,5		8,6	Đạt
34	2223360264	Huỳnh Trọng	Ân	30/01/2007	02MK15C1	7,0	5,0	5,7		8,0		7,1	Đạt
35	2223360329	Du Quế	Ân	10/07/2007	02DL15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
36	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	9,0	9,0	9,0		8		8,4	Đạt
37	1223360238	Nguyễn Quốc	Bảo	24/02/2007	01DH15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
38	1223360062	Nguyễn Lâm Gia	Bảo	07/11/2007	01DS15C1	8,0	6,5	7,0		5,0		5,8	Đạt
39	1223360090	Nguyễn Duy	Bảo	09/09/2007	01TM15C1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
40	1223360112	Trịnh Hoàng Gia	Bảo	19/08/2007	01PM15C1	4,0	6,0	5,3		7,5		6,6	Đạt
41	1223360137	Ngô Trần Gia	Bảo	28/12/2007	01DD15C1	5,5	5,0	5,2		5,5		5,4	Đạt
42	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02YS15B1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
43	2223360239	Phạm Minh Gia	Bảo	21/03/2007	02PM15C1	9,0	5,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
44	2223360269	Nguyễn Hữu	Bảo	20/09/2007	02PM15C1	8,0	6,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
45	2223360190	Châu Quốc	Bảo	20/10/2003	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
46	2223360302	Phan Nguyễn Gia	Bảo	23/12/2007	02PM15C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
47	2223360333	Đoàn Lâm Thiện	Bảo	28/11/2007	02PM15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
48	1223360083	Nguyễn Lý Tiến	Bằng	26/09/2006	01DS15C1	7,0	5,0	5,7		5,0		5,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
49	2223360275	Nguyễn Ngọc Bích	24/07/2007	02DS15C1	9,0	7,0	7,7			5,0		6,1	Đạt
50	1223180026	Hồ Như Ngọc Bích	23/09/1986	02DD15B1	8,0	9,0	8,7			8,0		8,3	Đạt
51	1223360073	Ngô Thanh Bìn	12/04/2007	01TM15C1	6,0	5,0	5,3			5,0		5,1	Đạt
52	1223360140	Nguyễn Bình	18/03/2001	01YS15C1	7,0	5,0	5,7			6,5		6,2	Đạt
53	2223360213	Nguyễn Tấn Bình	30/10/2006	02DH15C1	7,0	5,0	5,7			8,0		7,1	Đạt
54	1223360123	Nguyễn Bính	18/01/2007	01PM15C1	8,0	5,5	6,3			7,0		6,7	Đạt
55	3223240007	Đặng Trần Thi Ca	20/02/1997	02KT15E2	8,0	8,0	8,0			8,0		8,0	Đạt
56	2223360166	Dương Minh Công	28/09/2007	02PL15C1	6,0	6,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
57	2223360337	Nguyễn Viết Thành Công	20/10/2007	02KT15C1	6,0	6,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
58	3223240022	Trần Thị Hồng Cúc	10/02/1998	02KT15A1	8	8,5	8,3			7,0		7,5	Đạt
59	1223360241	Nguyễn Hùng Cường	07/04/2007	01PM15C1	8,0	8,0	8,0			9,0		8,6	Đạt
60	2223360162	Nguyễn Mạnh Cường	27/09/2003	02BK15B5	8,0	7,0	7,3			5,0		5,9	Đạt
61	2223360054	Nguyễn Chí Cường	07/10/2000	02DS15D2	6,0	6,0	6,0			3,0		4,2	Đạt
62	2223360132	Huỳnh Quốc Cường	05/07/1999	02DN15D1	7,0	7,0	7,0			7,0		7,0	Đạt
63	3223240029	Trần Thị Hoài Châm	13/06/1994	02KT15E2	8,0	8,0	8,0			8,0		8,0	Đạt
64	2223360091	Đồng Hương Thảo Chân	04/06/1999	02MK15D1	7,0	7,0	7,0			8,0		7,6	Đạt
65	1223240021	Phạm Thị Ngọc Châu	03/04/2001	02KT15E1	9,0	8,0	8,3			9,0		8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
66	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
67	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	20/10/2007	02DH15C1	9,0	7,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
68	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	8	10	9,3		8,5		8,8	Đạt
69	1223360245	Lâm Thị Yến	Chi	07/10/2007	01KT15C1	7,0	6,0	6,3		5,5		5,8	Đạt
70	1223360125	Huỳnh Thị An	Chi	18/08/2007	01DD15C1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
71	2223360245	Bùi Yến	Chi	05/04/2007	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
72	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
73	2223360345	Đặng Hoàng	Chiến	23/05/1995	02DD15D1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
74	2223360223	Võ Văn	Chung	21/06/2007	02DS15C1	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
75	1223360040	Trương Nguyễn Thành	Danh	18/07/2007	01PM15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
76	1223360131	Phùng Thị Tú	Diễm	06/06/2007	01DS15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
77	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02DD15B1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
78	2223360256	Nguyễn Thuý	Diễm	21/01/2007	02DH15C2	9,0	6,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
79	1223360210	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	31/11/2007	01DD15C1	6,5	5,0	5,5		5,0		5,2	Đạt
80	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
81	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
82	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02DS15B2	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
83	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
84	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	02DS15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
85	2223360308	Trần Trí	Dũng	29/08/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
86	2223360509	Trần Anh	Dũng	17/11/2003	02MK15D1	8	8	8,0		0,0		3,2	Thi lại
87	1223360018	Đình Hải	Duy	10/08/1997	01YS15C1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
88	1223360246	Son Hữu	Duy	04/07/2007	01DD15C1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
89	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
90	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02DS15D2	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
91	2223360143	Phạm Ngọc	Duyên	13/11/2006	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
92	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	02KT15E1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
93	1223360025	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	05/11/2007	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
94	1223360059	Trần Thùy	Dương	08/02/2007	01DS15C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
95	1223360133	Trần Khánh	Dương	21/08/2007	01MK15C1	6,0	6,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
96	2223240141	Đỗ Thị Thùy	Dương	08/07/2002	02DS15B2	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
97	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02DD15B1	6,0	8,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
98	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng	Dương	27/07/2006	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
99	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	8,5	10	9,5		9,0		9,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
100	2223360102	Nguyễn Thị	Dưỡng	22/09/2002	02MK15D1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
101	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
102	1223360051	Võ Tấn	Đạt	07/03/2007	01DD15C1	6,5	6,5	6,5		5,0		5,6	Đạt
103	1223360094	Nguyễn Thành	Đạt	05/03/2007	01PM15C1	9,0	6,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
104	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02YS15B1	8,5	8,0	8,2		8,5		8,4	Đạt
105	2223360225	Ung Tấn	Đạt	15/11/2007	02PM15C1	9,0	6,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
106	2223360238	Lê Đình	Đạt	29/01/2007	02TM15C1	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
107	2223360263	Đình Hiền	Đạt	21/08/2007	02DL15C1	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
108	2223360176	Huỳnh Ngọc	Đạt	23/05/2007	02DH15C1	6,0	8,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
109	1223240055	Cao Thành	Đạt	28/02/1994	01DS15B1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
110	2223240025	Cao Minh	Điền	26/07/2000	02DS15B1	10,0	10,0	10,0		8,0		8,8	Đạt
111	1223240034	Đình Thị Yến	Đình	16/06/1995	01YS15A1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
112	1223360052	Đặng Nguyễn Thục	Đoan	22/12/2007	01DD15C1	4,0	5,5	5,0		5,0		5,0	Đạt
113	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục	Đoan	30/06/2006	02MK15C1	5,0	6,0	5,7		7,0		6,5	Đạt
114	2223240186	Lê Hồ Thanh	Đông	24/03/1997	02DS15B2	8,5	9,0	8,8		8,0		8,3	Đạt
115	1223360080	Phạm Thành	Đức	30/09/2007	01PM15C1	9,0	6,5	7,3		8,0		7,7	Đạt
116	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	02DS15B2	7,0	5,5	6,0		6,0		6,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
117	2223360273	Nguyễn En - Ny	24/01/2007	02DD15C1	9,0	7,0	7,7			9,0		8,5	Đạt
118	2223360017	Lê Thị Hồng Gắm	02/06/1999	02DS15C2	9,0	9,0	9,0			8,0		8,4	Đạt
119	1223240022	Nguyễn Huỳnh Giang	20/10/2003	01DS15A2	5,5	6,5	6,2			7,5		7,0	Đạt
120	1223240013	Nguyễn Thị Trúc Giang	03/07/2003	01KT15A1	8,0	8,0	8,0			9,0		8,6	Đạt
121	2223240129	Hồ Thị Giang	09/12/2000	02DN15B1	7,0	6,0	6,3			8,0		7,3	Đạt
122	2213360027	Hồ Hương Giang	18/08/2003	02MK15D1	0	0	0,0	TBKT		0,0		0,0	Học lại
123	2223360059	Trịnh Văn Giàu	20/10/1993	02YS15D1	8,0	8,0	8,0			7,0		7,4	Đạt
124	1223240004	Nguyễn Thị Hà	02/10/1994	01DS15B1	7,0	6,0	6,3			6,0		6,1	Đạt
125	2223360178	Trần Thị Thanh Hà	09/08/1988	02DS15D2	6,0	6,0	6,0			7,0		6,6	Đạt
126	2223360224	Nguyễn Thị Hà	19/01/2001	02DD15C2	9,0	7,0	7,7			8,0		7,9	Đạt
127	1223360234	Cao Đức Hạnh	03/02/2007	01PM15C1	8,0	7,0	7,3			6,5		6,8	Đạt
128	2223240137	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09/04/1996	02KT15E2	6,0	6,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
129	2223360585	Phan Huỳnh Mỹ Hạnh	15/05/2007	02KT15C1	9	9,5	9,3			9,5		9,4	Đạt
130	1223360151	Đỗ Anh Hào	23/04/2007	01DS15C1	4,0	5,5	5,0			7,5		6,5	Đạt
131	2223360184	Trần Khang Hào	05/04/2006	02DH15C1	7,0	6,0	6,3			5,0		5,5	Đạt
132	2223360342	Phạm Thế Hào	27/06/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
133	1223240007	Lâm Thị Hào	02/08/2001	01YS15A1	6,5	6,5	6,5			7		6,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
134	1223360229	Phan Trần Thu	Hằng	17/08/2007	01DD15C1	7,0	6,0	6,3		5,5		5,8	Đạt
135	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
136	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	02/12/2007	01KT15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
137	1223360030	Phùng Gia	Hân	26/04/2007	01DS15C1	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
138	1223360058	Trần Gia	Hân	30/10/2007	01DH15C1	6,5	6,5	6,5		7,0		6,8	Đạt
139	2223240154	Phạm Gia	Hân	07/06/1996	02DS15A2	9,0	6,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
140	2223360124	Nguyễn Bảo Ngọc	Hân	15/07/2007	02PL15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
141	2223360291	Trương Gia	Hân	07/06/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
142	2223360300	Lương Kim Bảo	Hân	15/02/2006	02DD15C2	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
143	1223360013	Phạm Trúc	Hậu	19/10/2004	01YS15C1	6,5	6,0	6,2		7		6,7	Đạt
144	1223360146	Lê Trọng	Hiền	15/05/2007	01MK15C1	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
145	2223240127	Bùi Thị	Hiền	09/10/2002	02DD15B1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
146	2223180083	Trương Thị Lệ	Hiền	19/07/1990	02KT15B1	9	10	9,7		9,5		9,6	Đạt
147	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
148	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh	Hiệp	23/09/2007	02DH15C2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
149	1223360250	Nguyễn Trung	Hiếu	01/02/2007	01DN15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
150	1223360101	Trần	Hiếu	29/01/2007	01DN15C1	9,0	6,0	7,0		7,5		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
151	2223240118	Hồ Trung	Hiếu	08/02/2003	02YS15B1	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt
152	2223360150	Phạm Đức	Hiếu	22/12/2007	02DH15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
153	2223360335	Đặng Văn	Hiếu	04/11/2007	02TM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
154	3223240018	Ngô Thái	Hòa	19/08/1998	02KT15E2	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
155	2223360283	Trần Như Châu Thanh	Hòa	16/04/2007	02KT15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
156	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02DD15B1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
157	1223360249	Bùi Thị Phương	Hoàn	03/05/2007	01DS15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
158	1223360007	Thạch Huy	Hoàng	28/01/2002	01YS15C1	8,5	7,5	7,8		8		7,9	Đạt
159	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	7,5	5,5	6,2		8,0		7,3	Đạt
160	2223360191	Trần Gia	Hoàng	01/01/2007	02YS15C1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
161	2223360319	Trần Nguyễn Văn	Hoàng	26/12/2006	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
162	2223360322	Ngô Minh	Hoàng	13/07/2007	02DH15C2	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
163	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02KT15E2	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
164	2223240276	Lê Trọng	Hồ	10/03/1987	02DS15B2	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt
165	1223360026	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	30/07/2004	01DH15C1	7,0	8,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
166	2223240017	Lê Thị	Hồng	17/10/1990	02YS15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
167	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/01/2002	02MK15D1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
168	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/06/1991	02DS15C2	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
169	2223360241	Nguyễn Thanh Thu	Hồng	16/12/2007	02PM15C1	9,0	7,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
170	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02DS15B1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
171	1223360211	Nguyễn Hoàng Lâm	Hùng	15/07/2007	01MK15C1	8,5	4,0	5,5		6,0		5,8	Đạt
172	2223240132	Nguyễn	Hùng	21/01/2002	02YS15B1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
173	2223240287	Phan Quốc	Hùng	28/08/1995	02MK15B1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
174	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15A1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
175	1223240041	Đỗ Vương	Huy	26/04/2001	01DS15A2	8,0	9,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
176	1223360097	Phạm Văn	Huy	27/05/2007	01KT15C1	5,0	5,0	5,0		6,0		5,6	Đạt
177	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
178	2223240035	Nguyễn Khắc	Huy	15/09/2000	02TW15A1	6,0	8,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
179	2223360243	Lê Quang	Huy	06/01/2007	02TM15C1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
180	2223360138	Mai Quốc	Huy	04/01/2003	02PL15C1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
181	2223240057	Nguyễn Quốc	Huy	31/07/2003	02PM15A1	6,0	8,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
182	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
183	2223360094	Nguyễn Võ Minh	Huy	19/10/2001	02KT15C1	5,5	6	5,8		0,0		2,3	Thi lại
184	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02YS15D1	8,0	8,5	8,3		9,0		8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
185	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02KT15B1	8,5	10	9,5		9,5		9,5	Đạt
186	2223240135	Lê Đức	Hưng	07/09/1985	02DS15B2	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
187	2223360215	Đỗ Phước	Hưng	07/02/2004	02DH15C1	7,0	5,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
188	1223240050	Hà Thị	Hương	19/09/1995	01DS15B1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
189	2223240180	Đào Xuân	Hương	13/03/1995	02DD15B1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
190	3223240031	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1994	02KT15E2	10	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
191	2223240120	Lê Thị	Hường	02/09/1996	02MK15B1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
192	1223360226	Mai Trọng	Hữu	08/04/2006	01YS15C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
193	1223360060	Nguyễn Văn	Kiên	14/01/2007	01PM15C1	8,5	5,0	6,2		5,0		5,5	Đạt
194	1223360078	Mai Trung	Kiên	08/11/2005	01PM15C1	9,0	6,0	7,0		5,5		6,1	Đạt
195	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
196	1223360084	Lê Anh	Kiệt	20/08/2007	01KT15C1	6,0	5,0	5,3		5,0		5,1	Đạt
197	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02MK15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
198	2223360584	Thái	Kiệt	09/04/2004	02KT15C1	9	8,5	8,7		7,0		7,7	Đạt
199	2223360203	Phạm Thị Lệ	Kiều	01/06/1994	02YS15D1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
200	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02DH15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
201	2223360317	Nguyễn Văn	Khải	17/06/2005	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
202	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1	6,0	6,5	6,3		6,5		6,4	Đạt
203	2223360163	Phạm Minh	Khang	01/01/2006	02TM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
204	2223240021	Lê Quốc	Khánh	22/04/2001	02TM15A1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
205	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02DH15C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
206	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02DH15C1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
207	2223360192	Nguyễn Xuân	Khánh	29/10/1990	02DS15D2	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
208	1223360247	Phan Hoàng Anh	Khoa	10/08/2007	01KT15C1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
209	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	06/10/2007	01PM15C1	8,0	5,5	6,3		8,0		7,3	Đạt
210	1223360170	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	30/09/2007	01PM15C1	5,0	5,0	5,0		4,5		4,7	Đạt
211	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02DS15C1	5,0	10,0	8,3		10,0		9,3	Đạt
212	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02DH15C1	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
213	1223360061	Lương Hoàng Anh	Khôi	07/11/2007	01DH15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
214	1223360192	Võ Trần Đăng	Khôi	22/01/2007	01TM15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
215	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02DH15C2	9,0	5,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
216	1223240032	Trương Mạnh	Khương	14/07/1997	02KT15E1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
217	2223240224	Bùi Thị Mảnh	Khương	05/02/1996	02DS15B2	8,5	9,0	8,8		8,0		8,3	Đạt
218	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
219	1223360127	Dương Uyển Nhược	Lan	10/08/2007	01DS15C1	7,0	6,5	6,7		6,5		6,6	Đạt
220	1223360056	Đặng Hoàng	Lâm	20/07/2007	01DD15C1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
221	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01DS15B1	8,0	7,0	7,3		6,5		6,8	Đạt
222	1223240016	Đặng Ngọc Phương	Linh	31/05/2003	01DS15A2	7,0	7,0	7,0		7		7,0	Đạt
223	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	02KT15E1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
224	2223180009	Nguyễn Vũ	Linh	30/12/1995	02BK15B1	8,5	8,5	8,5		7,0		7,6	Đạt
225	1223360068	Phan Gia	Linh	05/06/2007	01KT15C1	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
226	1223360074	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	22/08/2007	01DD15C1	7,5	6,0	6,5		5,0		5,6	Đạt
227	1223360075	Nguyễn Ngọc Thúy	Linh	22/08/2007	01DD15C1	7,5	6,0	6,5		5,0		5,6	Đạt
228	1223360163	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	13/07/2007	01DS15C1	5,0	6,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
229	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02BK15B1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
230	1223240017	Phan Thị Thùy	Linh	26/08/1997	02KT15E2	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
231	2223180044	Phạm Thị Thùy	Linh	27/06/1985	02DS15B1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
232	2223240020	Đặng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	02DS15A2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
233	2223360051	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2002	02YS15D1	6,5	7,0	6,8		9,0		8,1	Đạt
234	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02MK15D1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
235	2223360186	Nguyễn Nhựt	Linh	07/05/2007	02YS15C1	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
236	2223360295	Phan Thị Thùy	Linh	30/03/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
237	3223240030	Nguyễn Thùy	Linh	25/12/1996	02KT15E2	7	9	8,3		8,5		8,4	Đạt
238	2223360323	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	02KT15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt
239	1223360009	Lê Thanh	Long	03/09/2003	01KT15C1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
240	1223360027	Đoàn Minh	Long	16/04/2007	01DS15C1	8,5	5,0	6,2		5,0		5,5	Đạt
241	2223360353	Mai Kha	Long	05/09/2007	02DH15C2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
242	1223360141	Nguyễn Hữu	Lộc	03/11/2007	01KT15C1	7,0	5,0	5,7		7,5		6,8	Đạt
243	1223360193	Võ Minh	Lộc	08/07/2007	01TM15C1	9,0	6,5	7,3		6,0		6,5	Đạt
244	2223240033	Võ Phước	Lộc	11/04/2002	02YS15B1	7,5	7,5	7,5		8,5		8,1	Đạt
245	2223360352	Trần Phúc	Lộc	25/09/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
246	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02KT15E2	8,0	9,0	8,7		6,5		7,4	Đạt
247	2223360020	Nguyễn Xuân	Lợi	18/08/2001	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
248	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
249	1223360037	Nguyễn Tấn	Lợi	21/12/2003	01DH15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
250	2223360544	Hồ Hồng	Lựa	01/07/1998	02MK15D1	8,5	10	9,5		8,0		8,6	Đạt
251	2223360236	Lê Thành	Luân	21/05/2007	02DN15C1	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
252	2223360578	Trần Thành Công	Luận	04/06/2006	02DS15D2	8,0	8,5	8,3		7,5		7,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
253	1223360064	Đoàn Khánh	Ly	24/08/2007	01DD15C1	7,5	6,0	6,5		5,0		5,6	Đạt
254	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01DS15B1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
255	1223360088	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	27/01/2005	01DS15C1	6,5	5,0	5,5		5,0		5,2	Đạt
256	1223360049	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	23/01/2007	01DS15C1	5,5	5,0	5,2		7,0		6,3	Đạt
257	2223180061	Nguyễn Thị Tuyết	Măng	27/01/1989	02BK15B5	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
258	1223360122	Trần Minh	Mẫn	28/02/2007	01PM15C1	5,0	5,0	5,0		7,0		6,2	Đạt
259	2223240247	Trần Thu	Mi	24/06/1999	02KT15B1	9	10	9,7		9,5		9,6	Đạt
260	1223360091	Phan Hoài	Minh	26/12/2007	01TM15C1	4,0	6,0	5,3		7,0		6,3	Đạt
261	2223360274	Nguyễn Cao Thế	Minh	07/10/2006	02TM15C1	9,0	7,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
262	2223240107	Phạm Hữu	Minh	19/10/1988	02DS15B2	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
263	2223360135	Ngô Thị Tú	Minh	07/10/2001	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
264	2223180051	Huỳnh Đức	Minh	12/03/1996	02DD15B1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
265	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02DD15B1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
266	2223240268	Đỗ Hải	My	08/11/2002	02MK15B1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
267	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02KT15C1	9	7	7,7		7,5		7,6	Đạt
268	1223360054	Hà Hoài	Nam	27/08/2004	01TM15C1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
269	2223360294	Nguyễn Hoàng	Nam	30/01/2007	02PM15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
270	2223360328	Đào Văn	Nam	17/12/2004	02MK15D1	8,5	10	9,5		8,0		8,6	Đạt
271	2223240047	Vũ Nhật	Nam	29/06/2002	02DD15B1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
272	2223240199	Lê Thùy Hà	Ni	22/03/1989	02DS15B2	8,0	10,0	9,3		8,5		8,8	Đạt
273	1223180016	Phan Xuân	Niềm	20/09/1995	01YS15A1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
274	3223240010	Đoàn Nhất	Nuong	29/12/1992	02KT15E2	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
275	2223240197	Lê Thị Tuyết	Ny	31/07/2004	02MK15B1	8	10	9,3		8,0		8,5	Đạt
276	1223360166	Nguyễn Thị Thúy	Nga	15/09/2007	01DS15C1	6,0	5,5	5,7		5,0		5,3	Đạt
277	2223240261	Trần Thị	Nga	28/08/1982	02DD15B1	8,0	0,0	2,7	TBKT	0,0		1,1	Học lại
278	3223240032	Nguyễn Thị Hồng	Nga	15/08/2001	02KT15E2	10	9	9,3		8,5		8,8	Đạt
279	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01DH15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
280	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	01DS15B1	8,0	9,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
281	1223360227	Phạm Ngọc Tuyết	Ngân	28/02/2007	01KT15C1	7,0	6,0	6,3		5,5		5,8	Đạt
282	1223360235	Trần Nguyễn Quỳnh	Ngân	18/08/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
283	1223240040	Hà Kim	Ngân	09/05/2000	01DS15A2	8,0	9,0	8,7		9,5		9,2	Đạt
284	1223360032	Trương Nguyễn Thu	Ngân	03/04/2007	01DS15C2	8,5	7,0	7,5		5,0		6,0	Đạt
285	1223360181	Trần Thị Ngọc	Ngân	28/11/2007	01DS15C1	7,0	5,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
286	1223360124	Vô Thu	Ngân	08/01/2007	01KT15C1	8,0	3,5	5,0		3,5		4,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
287	1223360132	Phan Thị Thanh	Ngân	26/02/2007	01DS15C1	5,0	5,0	5,0		3,0		3,8	Thi lại
288	2223360121	Nguyễn Thanh	Ngân	30/10/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
289	2223360288	Trần Bảo	Ngân	20/10/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
290	2223360338	Trần Quang	Ngân	23/07/2004	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
291	2223240269	Nguyễn Ngọc	Ngân	04/06/2000	02KT15B1	8,5	10	9,5		7,0		8,0	Đạt
292	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	02MK15D1	8,5	10	9,5		8,5		8,9	Đạt
293	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	8,5	6,5	7,2		5,5		6,2	Đạt
294	1223360243	Trần Thị	Ngân	16/05/2003	02KT15E1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
295	1223360244	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	04/08/2007	01DH15C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
296	1223360143	Đàm Xuân	Nghi	08/06/2007	01DD15C1	8,5	8,0	8,2		9,0		8,7	Đạt
297	1223360092	Lê Trọng	Nghĩa	06/12/2007	01TM15C1	6,5	5,5	5,8		5,0		5,3	Đạt
298	2223240163	Lê Đức	Nghĩa	24/02/1995	02MK15B1	8	10	9,3		7,5		8,2	Đạt
299	1223240006	Trần Hồ Mỹ	Ngọc	01/01/2003	01DD15A1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
300	1223360010	Cao Hồng	Ngọc	28/03/2006	01BK15A2	5,5	6,5	6,2		7,5		7,0	Đạt
301	1223360024	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	10/06/2007	01DN15C1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
302	1223360120	Trịnh Hồng	Ngọc	17/11/2007	01PM15C1	9,5	6,5	7,5		6,0		6,6	Đạt
303	1223360175	Nguyễn Văn Thiên	Ngọc	18/09/2007	01DS15C1	5,5	5,0	5,2		6,0		5,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
304	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	10,0	7,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
305	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02DD15C1	9,0	8,0	8,3		6,0		6,9	Đạt
306	2223360148	Ngô Mỹ	Ngọc	07/10/2007	02DL15C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
307	2223360301	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/02/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
308	1223240030	Nguyễn Phương	Nguyên	23/12/2001	01DS15A2	6,5	6,5	6,5		6,5		6,5	Đạt
309	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02DH15A1	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
310	2223360196	Trần	Nguyễn	26/05/2007	02PL15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
311	1223240059	Bùi Thị Thu	Nguyệt	06/10/2004	01YS15A1	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt
312	2223360057	Nguyễn Hồng	Ngự	21/02/1994	02DN15D1	5,5	7,5	6,8		7,5		7,2	Đạt
313	2223360348	Trần Nguyễn Hòa	Nhã	22/11/2007	02DH15C2	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
314	2223360484	Nguyễn Văn	Nhân	15/06/1995	02MK15D1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
315	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
316	1223360115	Trương Nguyệt	Nhi	19/03/2007	01KT15C1	7,0	5,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
317	1223360152	Hà Ngọc	Nhi	06/03/2007	01DH15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
318	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
319	2223240124	Vũ Thị Yên	Nhi	27/07/2000	02YS15B1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
320	2223360118	Nguyễn Phú Huỳnh	Nhi	26/11/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
321	2223360144	Phùng Yến	Nhi	21/11/2007	02DD15C2	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
322	2223360145	Đinh Thị Ái	Nhi	12/07/2007	02DN15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
323	2223360304	Nguyễn Thiên	Nhi	23/07/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
324	2223360340	Trần Yến	Nhi	26/11/2007	02YS15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
325	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	9	10	9,7		9,5		9,6	Đạt
326	2223240152	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	02/10/1997	02MK15B1	8,5	10	9,5		8,5		8,9	Đạt
327	1223360076	Phùng Thanh	Nhị	09/09/1994	01DN15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
328	1223360023	Phan Thị Quỳnh	Như	26/09/2007	01DS15C1	7,0	6,5	6,7		5,0		5,7	Đạt
329	1223360048	Phạm Thị Huỳnh	Như	19/10/2007	01DS15C1	8,0	6,5	7,0		5,0		5,8	Đạt
330	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	02DS15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
331	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02DH15C2	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
332	2223360151	Hồ Quỳnh	Như	04/09/2005	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
333	2223360183	Nguyễn Ngọc Yến	Như	22/05/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
334	2223360282	Hồ Quỳnh	Như	29/11/2007	02YS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
335	2223360344	Trần Ngọc	Như	16/11/2007	02KT15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
336	2223360153	Nguyễn Thị Yến	Như	20/07/2007	02KT15C1	8,5	7,5	7,8		6,0		6,7	Đạt
337	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02DD15B1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
338	1223240001	Nguyễn Minh	Nhựt	21/04/2001	02KT15E1	8,5	8,5	8,5		6,0		7,0	Đạt
339	1223360042	Mai Thanh	Nhựt	12/12/2006	01KT15C1	6,5	6,5	6,5		5,0		5,6	Đạt
340	1223360063	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	23/04/2006	01DD15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
341	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
342	2223360346	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/12/2007	02DH15C2	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
343	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	02YS15C1	9,5	9,5	9,5		8,0		8,6	Đạt
344	3223240008	Lương Thiêm	Phát	19/04/1998	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
345	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	7,5	6,0	6,5		8,0		7,4	Đạt
346	2223240250	Nguyễn Ông	Phát	27/02/1994	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
347	1223360070	Trần Đức	Phi	17/06/2007	01PM15C1	8,5	7,0	7,5		7,0		7,2	Đạt
348	1223360153	Bùi Đình	Phi	07/10/2007	01DH15C1	7,5	6,5	6,8		5,0		5,7	Đạt
349	1223360239	Phan Thanh	Phong	19/10/2007	01TM15C1	7,0	6,5	6,7		3,5		4,8	Đạt
350	1223360043	Trần Tuấn	Phong	04/07/2007	01DH15C1	8,0	6,5	7,0		5,0		5,8	Đạt
351	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn	Phong	19/08/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
352	2223360305	Vũ Đình	Phong	25/12/2007	02DH15C2	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
353	2223360188	Nguyễn Minh	Phú	26/03/2007	02DN15C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
354	2223360298	Phạm Thiên	Phú	01/04/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
355	1223360160	Huỳnh Văn	Phúc	14/02/2007	01PM15C1	7,5	5,0	5,8		6,5		6,2	Đạt
356	1223360184	Võ Trọng	Phúc	07/02/2007	01PM15C1	6,0	5,5	5,7		5,0		5,3	Đạt
357	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên	Phúc	16/12/2006	02PM15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
358	3223240023	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/04/2001	02KT15E2	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
359	1223360057	Cao Kim	Phụng	27/04/2007	01KT15C1	8,5	6,0	6,8		5,0		5,7	Đạt
360	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02YS15D1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
361	2223360336	Lý Hữu	Phước	15/06/2007	02PM15C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
362	1223240060	Đặng Ngọc	Phương	24/10/2004	01YS15A1	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt
363	1223360251	Phan Khánh	Phương	22/04/2007	01DD15C1	6,0	4,5	5,0		4,0		4,4	Đạt
364	1223360066	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	25/09/2007	01DD15C1	6,5	6,0	6,2		5,0		5,5	Đạt
365	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phương	22/9/2006	02DH15D1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
366	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phương	16/06/2007	02DS15C1	9,0	5,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
367	2223360326	Huỳnh Thị Minh	Phương	31/12/2006	02DH15C2	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
368	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	02KT15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
369	2223360350	Đặng Thị Trúc	Phương	15/10/2007	02DD15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
370	2223180065	Lê Hồ	Phương	17/06/1980	02DS15B2	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
371	2223360587	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	04/10/2003	02KT15C1	8	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
372	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	02YS15B1	7,5	9,0	8,5		9,5		9,1	Đạt
373	2223240116	Trần Đoàn Cẩm	Phượng	15/08/2001	02DS15B2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
374	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02YS15B1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
375	2223360496	Nguyễn Chí	Quang	03/11/2007	02DH15C3	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
376	2223360159	Trần Minh	Quân	17/12/2005	02PM15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
377	2223360309	Lê Hoàng	Quân	21/09/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
378	1223360044	Trần Bảo	Quy	09/01/2007	01DH15C1	7,5	6,5	6,8		5,0		5,7	Đạt
379	1223360107	Thượng Văn	Quý	17/11/2007	01TM15C1	6,5	5,5	5,8		6,0		5,9	Đạt
380	2223240142	Trần Thị Cẩm	Quyên	30/10/2001	02YS15B1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
381	2223360439	Nguyễn Tường	Quyên	15/02/2001	02DD15D1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
382	1223240048	Phạm Xuân	Quyên	24/09/2002	01DS15A2	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
383	1223360087	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	30/12/2007	01DS15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
384	3223240006	Võ Thị Kim	Quỳnh	12/07/1996	02KT15E2	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
385	2223360169	Lê Phạm Như	Quỳnh	26/02/2007	02DN15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
386	2223360170	Nguyễn Ánh Kim	Sa	28/11/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
387	1223360005	Nguyễn Tấn	Sang	02/07/2004	01TM15C1	6,0	6,0	6,0		7,5		6,9	Đạt
388	2223360278	Nguyễn Thanh	Sang	14/03/2007	02DH15C2	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
389	2223240066	Võ Thị Ngọc	Sang	01/10/1985	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
390	2223240002	Nguyễn Thanh	Sang	11/9/1996	02DS15B1	8,5	9,0	8,8		8,0		8,3	Đạt
391	2223240069	Trần Thị	Sâm	12/11/2003	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
392	2223240241	Ngô Thị	Sinh	17/04/1996	02KT15E2	10	8,5	9,0		6,0		7,2	Đạt
393	1223240002	Nguyễn Công	Son	08/7/2001	01DS15A2	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
394	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Son	08/06/2007	02DH15C1	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
395	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
396	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		9,0		8,6	Đạt
397	2223360277	Nguyễn Tấn	Tài	27/10/2007	02DH15C2	9,0	5,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
398	1223240031	Lê Thị Minh	Tâm	26/04/2003	01DS15A2	5,5	6,5	6,2		7,5		7,0	Đạt
399	1223240062	Lê Thị Mỹ	Tâm	25/04/2004	01DS15A2	7,0	6,5	6,7		5,5		6,0	Đạt
400	1223360055	Nguyễn Tuệ	Tâm	19/10/2007	01MK15C1	8,5	7,0	7,5		8,0		7,8	Đạt
401	2223240078	Phạm Đồng	Tâm	25/10/1995	02MK15B1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
402	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02DH15B1	6,0	8,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
403	2223240213	Phạm Lê Nhật	Tân	09/01/2002	02DS15B2	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt
404	2223240210	Trịnh Minh	Tân	11/07/2001	02DD15B1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
405	2223240058	Nông Thị	Tem	25/02/1999	02PL15A1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
406	2223360261	Lê Thảo	Tiên	27/01/2006	02DS15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
407	1223360067	Nguyễn Nho Trương	Tiến	05/01/2007	01MK15C1	8,5	5,5	6,5		7,0		6,8	Đạt
408	1223360113	Phạm Kim	Tiến	11/04/2007	01TM15C1	7,0	5,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
409	2223360158	Nguyễn	Tiến	24/02/2007	02DS15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
410	2223360325	Võ Minh	Tiến	25/09/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
411	2223180053	Nguyễn Đình	Tiến	05/05/1990	02DS15B1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
412	1223360001	Nguyễn Trung	Tín	26/02/2001	02KT15E1	7,0	7,0	7,0		5,5		6,1	Đạt
413	1223360233	Đỗ Trọng	Tín	12/11/2007	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
414	2223240157	Đào Trung	Tín	09/12/2002	02KT15A1	8,0	10,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
415	1223360104	Nguyễn Võ Thanh	Toàn	20/08/2007	01DS15C1	9,0	6,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
416	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
417	2223240259	Phạm Lê Duy	Toàn	25/09/2004	02PL15A1	8	6	6,7		6,0		6,3	Đạt
418	1223240049	Ngô Triều	Tông	11/12/2002	01DH15A1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
419	2223240028	Trần Tiến	Tới	13/09/2003	02YS15A2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
420	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt
421	1223360086	Kha Thái	Tú	05/08/2007	01YS15C1	6,0	7,5	7,0		5,0		5,8	Đạt
422	1223360138	Dương Thị Cẩm	Tú	14/06/2007	01DS15C1	7,5	7,0	7,2		8,0		7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
423	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/03/2001	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
424	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	31/08/1990	02KT15E2	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
425	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt
426	2223360252	Cao Thanh	Tú	07/05/2006	02DH15C3	9,0	6,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
427	1223360039	Lê Hoàng	Tuấn	18/09/2007	01YS15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
428	1223360128	Diệp Minh	Tuấn	10/03/2007	01PM15C1	7,0	5,0	5,7		5,5		5,6	Đạt
429	2223360099	Lương Minh	Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
430	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
431	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02PM15C1	9,0	6,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
432	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	8,0	9,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
433	2223360576	Lê Hoài	Tuấn	06/08/2004	02MK15D1	8	8	8,0		8,0		8,0	Đạt
434	2223240282	Đình Tấn	Tuấn	17/11/1994	02DD15B1	8,0	8,5	8,3		7,5		7,8	Đạt
435	2223240167	Đình Quốc Quỳnh	Tuyên	25/07/2003	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
436	1223360034	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	01/09/2007	01KT15C1	8,5	7,0	7,5		8,0		7,8	Đạt
437	1223360035	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/07/2007	01MK15C1	7,5	7,0	7,2		5,0		5,9	Đạt
438	2223180043	Lương Thị Lam	Tuyền	03/03/1998	02DD15B1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
439	2223180029	Lê Thị Thanh	Tuyền	18/09/1999	02DS15B1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
440	2223240230	Trần Thị Ngọc	Tuyền	18/01/2004	02KT15A1	9,5	10	9,8		9,5		9,6	Đạt
441	2223240049	Nguyễn Văn	Thái	23/02/1997	02YS15B1	7,5	7,0	7,2		8,5		8,0	Đạt
442	2223240296	Trịnh Thành	Thái	12/07/1995	02PL15A1	10	9,5	9,7		8,0		8,7	Đạt
443	1223240036	Lê Thị Phương	Thanh	31/08/2003	01BK15A3	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
444	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01DS15B1	9,0	9,0	9,0		9,5		9,3	Đạt
445	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02DS15D2	6,0	5,0	5,3		8,0		6,9	Đạt
446	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	8	10	9,3		9,5		9,4	Đạt
447	2223360048	Lý Vũ Gia	Thanh	05/05/2003	02MK15D1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
448	1223360237	Hồ Tấn	Thành	10/08/2007	01PM15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
449	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02DN15D1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
450	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02DH15C1	8,0	6,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
451	2223360218	Nguyễn Ngọc Quốc	Thành	21/09/2007	02YS15C1	8,0	6,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
452	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	02KT15A1	9	9	9,0		9,0		9,0	Đạt
453	1223240026	Cao Thị Phương	Thảo	03/08/2003	01DS15A2	5,0	7,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
454	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
455	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	02DS15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
456	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
457	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
458	2223240106	Nguyễn Thanh	Thảo	17/09/2002	02YS15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
459	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
460	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	8	10	9,3		8,5		8,8	Đạt
461	1223240067	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/10/1999	02KT15E1	9	9	9,0		7,0		7,8	Đạt
462	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	8,5	10	9,5		9,0		9,2	Đạt
463	2223240232	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/01/2004	02PL15A1	9,5	8	8,5		6,5		7,3	Đạt
464	1223360099	Phan Võ Quang	Thắng	01/09/2007	01DH15C1	6,0	7,0	6,7		4,5		5,4	Đạt
465	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02MK15C1	7,0	5,0	5,7		7,0		6,5	Đạt
466	2223240108	Đỗ Văn	Thắng	24/03/2002	02YS15B1	8,0	7,0	7,3		6,0		6,5	Đạt
467	2223240062	Phan Duy	Thiên	17/03/1998	02DH15B1	5,0	6,0	5,7		8,0		7,1	Đạt
468	1223360016	Lê	Thịnh	28/02/2006	01DD15C1	6,5	6,5	6,5		6,0		6,2	Đạt
469	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	02KT15E1	8,0	9,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
470	1223360069	Nguyễn Tuyết	Thu	25/08/2007	01DN15C1	8,5	5,0	6,2		6,0		6,1	Đạt
471	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	02KT15C1	8	6	6,7		6,5		6,6	Đạt
472	1223360045	Trần Nguyễn Quốc	Thuận	14/09/2007	01TM15C1	8,0	5,5	6,3		5,0		5,5	Đạt
473	2223240053	Nguyễn Minh	Thuận	11/03/2001	02DS15B2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Môn	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
474	2223240173	Nguyễn Thị Kiều	Thuận	19/09/2001	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
475	2223360546	Lý Bảo	Thuận	31/01/1989	02DD15D1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
476	1223360053	Phạm Huỳnh Phương	Thùy	12/02/2007	01DH15C1	7,5	6,5	6,8		6,0		6,3	Đạt
477	2223360112	Phạm Thị Bích	Thủy	15/10/1983	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
478	1223180015	Phan Thị	Thủy	10/09/1990	01YS15A1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
479	1223240039	Trần Thị Thanh	Thúy	12/01/1998	01KT15A1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
480	3223240017	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	17/12/1998	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
481	1223360180	Lưu Thị Minh	Thùy	02/01/2007	01DS15C1	9,0	5,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
482	2223360311	Nguyễn Vũ Ngọc	Thùy	02/12/2000	02DS15C1	8,0	7,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
483	2223360602	Võ Trần Minh	Thùy	19/02/1997	02KT15D1	8	10	9,3		8,5		8,8	Đạt
484	2223240159	Trần Thị	Thùy	20/03/1983	02DS15B2	8,5	8,5	8,5		8,0		8,2	Đạt
485	2223240133	Nguyễn Ngọc	Thủy	06/06/1996	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
486	2223240048	Trương Thu	Thủy	01/01/1994	02DS15A2	8,5	7,0	7,5		8,5		8,1	Đạt
487	1223360144	Nguyễn Lê Anh	Thư	01/09/2007	01DS15C1	6,0	5,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
488	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02DD15B1	8,0	7,0	7,3		9,0		8,3	Đạt
489	2223360231	Hoàng Kim Anh	Thư	18/03/2006	02DS15C1	9,0	7,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
490	2223360248	Nguyễn Nhật Minh	Thư	03/01/2007	02YS15C1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
491	1223360144	Nguyễn Lê Anh	Thư	01/09/2007	01DS15C1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
492	2223240156	Võ Anh	Thư	10/04/2001	02KT15B1	0	0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
493	2223360579	Lê Thái Minh	Thư	09/01/2001	02DD15D1	8,0	8,5	8,3		7,5		7,8	Đạt
494	2223240272	Trần Thị Minh	Thư	12/02/1994	02DD15B1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
495	2223360355	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	25/04/2007	02KT15C1	9	6,5	7,3		6,5		6,8	Đạt
496	2223360194	Nguyễn Hoàng	Thức	08/03/2007	02PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
497	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	27/09/2007	01PM15C1	6,0	6,0	6,0		5,5		5,7	Đạt
498	2223240144	Trương Minh Nguyên	Thương	30/08/1994	02DS15A2	7,0	6,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
499	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1	6,5	10,0	8,8		10,0		9,5	Đạt
500	2223360199	Lê Ngọc Bảo	Thy	25/12/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
501	2223360416	Nguyễn Thụy Giang	Thy	07/02/2000	02DD15D1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
502	1223360216	Bùi Thị Thùy	Trang	12/10/2007	01MK15C1	6,5	6,5	6,5		5,0		5,6	Đạt
503	1223360164	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/10/2007	01DS15C1	6,0	5,5	5,7		5,0		5,3	Đạt
504	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	8,0	6,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
505	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02MK15C1	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
506	2223360279	Ngô Mỹ	Trang	26/10/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
507	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02DD15A1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
508	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	Trang	18/12/2007	02TM15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
509	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	02DS15B2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
510	2223240274	Nguyễn Nguyễn Phương	Trang	11/01/2002	02DS15B2	8,5	9,0	8,8		8,5		8,6	Đạt
511	2223360603	Bùi Thị Huyền	Trang	04/04/2005	02DS15B2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
512	1223240019	Phan Bích	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
513	1223240020	Phan Ngọc	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
514	2223240060	Đoàn Ngọc	Trâm	07/03/2002	01KT15A1	5,0	6,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
515	1223360028	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	16/05/2007	01DD15C1	7,5	5,5	6,2		5,0		5,5	Đạt
516	1223360121	Trần Thị Thu	Trâm	01/03/2007	01KT15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
517	3223240005	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/04/2000	02KT15E2	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
518	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02KT15E2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
519	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02KT15C1	5,0	7,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
520	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	08/06/2006	02DN15C1	9,0	8,0	8,3		6,0		6,9	Đạt
521	2223360141	Lộc Nguyễn Thùy	Trâm	12/11/2007	02YS15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
522	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	09/11/2007	02DH15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
523	2223240231	Phan Ngọc	Trâm	09/01/2004	02KT15A1	9,5	10	9,8		9,5		9,6	Đạt
524	3223240028	Đặng Thị Ngọc	Trâm	24/02/1998	02KT15E2	9	9	9,0		9,0		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
525	1223360008	Đoàn Ngọc Quế	Trân	16/09/2005	01DS15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
526	2223240077	Nguyễn Mộng Huyền	Trân	20/05/1999	02YS15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
527	2223360299	Lý Ngọc Bảo	Trân	20/11/2007	02PM15C1	8,0	7,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
528	2223360316	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	19/08/2007	02DL15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
529	2223360272	Nguyễn Minh	Triết	05/05/2006	02YS15C1	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
530	2223240086	Bùi Giang Nguyên	Trình	26/10/1994	02DS15B2	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
531	2223360230	Trần Lê Kiều	Trình	03/10/2006	02DS15C2	9,0	7,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
532	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	22/01/1998	02DD15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
533	1223360015	Kim Sang	Trọng	24/07/2006	01TM15C1	8,5	8,5	8,5		8,0		8,2	Đạt
534	1223360165	Liêu Minh	Trọng	03/11/2007	01PM15C1	6,5	5,0	5,5		5,5		5,5	Đạt
535	2223240089	Nguyễn Hữu	Trọng	18/08/2000	02YS15B1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
536	2223360207	Phạm Phú	Trọng	07/03/2007	02PM15C1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
537	1223240043	Trương Thị Thanh	Trúc	26/07/1999	02KT15E1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
538	1223360145	Nguyễn Thanh	Trúc	05/11/2007	01DS15C1	5,5	5,0	5,2		6,0		5,7	Đạt
539	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02MK15C1	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
540	2223360341	Nguyễn Thanh	Trúc	30/12/2007	02PM15C1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
541	1223360199	Nguyễn Thành	Trung	08/06/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		3,5		4,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
542	3223240012	Lâm Hoài	Trung	28/05/1982	01DS15B1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
543	2223240013	Trần Đức	Trung	28/02/1999	02YS15B1	8,0	6,0	6,7		9,0		8,1	Đạt
544	3223240025	Nguyễn Thành	Trung	26/08/1990	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
545	1223240044	Nguyễn Tấn	Trương	15/09/1995	01DS15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
546	2223240090	Phạm Mạnh	Trường	10/06/2003	02DS15B2	8,0	10,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
547	1223360036	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	03/05/2007	01DS15C1	6,0	5,5	5,7		5,0		5,3	Đạt
548	1223360102	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	17/08/2007	01DS15C1	8,5	5,5	6,5		7,5		7,1	Đạt
549	1223360130	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	23/05/2007	01MK15C1	6,0	5,5	5,7		5,0		5,3	Đạt
550	2223180039	Hồ Phương	Uyên	08/02/1993	02YS15B1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
551	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
552	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02KT15C1	9,0	7,0	7,7		6,0		6,7	Đạt
553	2223360420	Đào Thị Mỹ	Uyên	17/02/2007	02KT15C1	8,5	6,5	7,2		5,5		6,2	Đạt
554	2223240192	Nguyễn Thị Mộng	Ước	09/07/2004	02DD15B1	8,5	10,0	9,5		8,0		8,6	Đạt
555	2223360181	Lê Thị Trường	Vang	13/12/1989	02DH15D1	7,0	8,0	7,7		9,0		8,5	Đạt
556	1223360046	Hứa Vĩ	Văn	07/12/2007	01KT15C1	6,5	7,0	6,8		5,0		5,7	Đạt
557	1223180002	Võ Hồng	Vân	06/02/1970	01DS15A2	5,5	6,0	5,8		7,5		6,8	Đạt
558	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
559	1223240005	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/01/2002	01DS15B1	8,5	9,0	8,8		8,5		8,6	Đạt
560	3223180009	Thái Mỹ	Vân	25/06/1976	02KT15E1	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt
561	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/06/1998	02DD15C2	9,0	6,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
562	2223360214	Lê Ngọc Khả	Vân	28/07/2007	02DN15C1	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
563	1223240012	Lê Thị Tường	Vi	01/09/2003	01DS15A2	6,0	6,5	6,3		5,0		5,5	Đạt
564	2223240088	Đào Lan	Vi	01/04/1995	02DH15B1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
565	2223240042	Đỗ Thị Tường	Vi	05/08/1987	02DS15B2	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
566	2213360177	Trương Quốc	Việt	24/11/2006	02TM15C1	7,0	5,0	5,7		7,0		6,5	Đạt
567	2223240045	Nguyễn Thế	Vĩnh	05/04/1997	02YS15B1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
568	1223360047	Hứa Quang	Vũ	24/11/2005	01YS15C1	8,5	6,0	6,8		7,0		6,9	Đạt
569	3223240014	Đỗ Xuân	Vũ	02/12/1993	02MK15B1	7,0	6,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
570	3223240026	Trần Văn	Vui	18/06/1984	02KT15E2	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
571	1223360072	Tô Châu Nhật	Vy	10/04/2007	01DS15C1	8,5	6,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
572	1223360095	Nguyễn Thị Yên	Vy	06/06/2007	01KT15C1	6,0	5,5	5,7		6,0		5,9	Đạt
573	1223360161	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	11/06/2007	01MK15C1	6,5	5,5	5,8		6,0		5,9	Đạt
574	1223360169	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/07/2007	01KT15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
575	2223240085	Lê Bảo	Vy	19/06/2000	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		6,0		6,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
576	2223240131	Nguyễn Đan Vy	10/08/2002	02YS15B1	6,0	6,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
577	2223360043	Đinh Khả Vy	16/09/2000	02DS15D2	9,0	7,0	7,7			8,0		7,9	Đạt
578	2223360201	Bùi Ngọc Vân Vy	17/03/2007	02KT15C1	6,0	6,0	6,0			6,0		6,0	Đạt
579	2223360287	Huỳnh Thị Thanh Vy	19/10/2007	02DN15C1	6,0	6,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
580	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh Vy	27/10/2007	02PM15C1	7,0	6,0	6,3			5,0		5,5	Đạt
581	2223240104	Nguyễn Thị Ánh Vy	05/08/1996	02DS15B2	0,0	0,0	0,0	TBKT		0,0		0,0	Học lại
582	2223360281	Ngô Ngọc Minh Xuân	12/08/2007	02YS15C1	7,0	6,0	6,3			5,0		5,5	Đạt
583	1223360105	Nguyễn Thị Kim Xuyên	23/02/2005	01DN15C1	7,5	6,0	6,5			7,0		6,8	Đạt
584	1223360222	Nguyễn Thị Như Ý	11/03/2007	01DH15C1	7,0	6,0	6,3			7,0		6,7	Đạt
585	2223240093	Nguyễn Thị Ngọc Như Ý	16/06/2003	02YS15B1	7,0	6,0	6,3			5,0		5,5	Đạt
586	2223240249	Nguyễn Hoàng Ý	05/08/1997	02DS15B2	8,0	9,0	8,7			8,0		8,3	Đạt
587	2223360246	Trịnh Hoàng Bảo Yên	18/08/2007	02YS15C1	8,0	5,0	6,0			5,0		5,4	Đạt
588	3223240027	Nguyễn Thị Hải Yên	05/05/2001	02KT15E2	7,0	8,0	7,7			8,0		7,9	Đạt
589	1223240051	Trần Ngọc Yên	09/05/1996	02DS15B2	7,0	8,0	7,7			8,0		7,9	Đạt
590	2223240264	Nguyễn Hoàng Yên	12/07/1990	02DS15B2	9,0	9,0	9,0			8,5		8,7	Đạt
591	2223240281	Nguyễn Thị Ngọc Yên	18/10/1991	02DD15B1	8,0	8,5	8,3			8,0		8,1	Đạt